

# KHỞI TÍN LUẬN SỚ BÚT SẢO KÝ

## QUYỂN 5

**TRONG PHẦN THUẬT Ý.** Có hai:

**a. Trình bày Ý:**

Sớ nêu ra hai ý là trên Chánh dưới Kiêm.

**Giải thích văn:** Từ câu đầu trở xuống, có hai:

**Giải thích chung bài kệ:** Có ba:

- **Giải thích câu đầu:**

Vì các căn cơ, chỉ cho hai chữ Chúng sinh, là thuộc về hàng Bồ-tát. Chúng sinh gồm cả ba nhóm năm tánh, trong đó có Chánh và Kiêm. Như trong huyền đàm nói rõ, nên nói như trước.

- **Giải thích hai câu giữa:** Sớ kể đến v.v... trở xuống. Văn có hai:

- **Giải thích câu trên:** Nói về lìa lỗi, có hai:

Chính giải thích câu này:

Nói rõ lìa lỗi, lỗi tức nghi chấp.

Do nghi v.v... trở xuống, là giải thích tương nghi chấp.

Mê chân, tuy có mà như không gọi là mê, văn sau chép: “Nói nghĩa bất giác là không như thật biết một pháp chân như, tâm bất giác khởi mà có niệm (vọng chấp) kia v.v...”. Đã mê nhất chân, tức bỏ mất hai thứ Bồ-đề, Niết-bàn vô thượng lạc, nên nói mất niềm tin.

Khởi vọng, vọng là năm uẩn sắc tâm, cho không thật là thật rồi sinh mê chấp, đây là do mê phát khởi, chấp tợ làm thật, từ sâu kín đến thô chấp lần lượt phát sinh. Nên kinh Viên Giác chép: “Vọng nhận bốn đại làm tướng tự thân, sáu trần duyên cảnh làm tướng tự tâm”. Đã khởi vọng thì ba khổ, tám khổ từ đây sinh ra, nên nói các khổ. Nên văn sau nói: “Động thì có quả khổ không lìa nhân”, tức Luận Thập Địa của Thiên Thân, giải thích Phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm.

Xa lìa v.v..., tức nghĩa mê chân mất an vui ở phần trước.

Đầy đủ v.v..., tức nghĩa khởi vọng có đủ các khổ ở trước. Hai câu kia tức mất chân lạc, đầy đủ vọng khổ. Đối với đây chẳng biết chẳng giác, nên gọi là điên đảo.

Mất mà không biết, như kinh Pháp Hoa chép: “Chàng cùng tử đối với kho báu của mình mà cho là vật của người khác, tuy chủ giao phó mà không có ý hy vọng lấy được chừng một bữa ăn”. Kia tức hằng ngày sử dụng mà không biết.

Đã bất giác, cũng như kinh Pháp Hoa nói về nhà lửa, các con chỉ vui thích nô đùa, rõ ràng không có tâm muốn ra khỏi, cũng không biết thế nào là nhà lửa? Vì sao bị lại bị lửa đốt cháy? Chỉ rong ruổi Đông tây tìm cha mà thôi. Nhưng ba thứ này không ra khỏi hai, vì điên đảo vô thể, chỉ đối với hai thứ trước không giác biết, liền thành điên đảo, hợp lại thành ba.

Nên khiến v.v... trở xuống là kết luận trở về thánh ý, vì Bồ-tát quán các chúng sinh kia có lỗi như thế nên soạn luận.

Đối chung văn sau. Sở Cho nên giải thích v.v... trở xuống là Chánh nghĩa, đã hiển bày nghi tình tự trừ hai thứ nhân, chân thường an vui đều hằng ngộ.

Tà chấp, tuy phần nhiều đối trị xả bỏ, hư vọng, khổ nhờ đây lia hẳn.

Chỗ chứng đạo tướng của chư Phật Bồ-tát phân biệt cho biết, khiến phát tâm thú hưởng, tức thành tín hạnh. Tuy nhiên, đoạn sau nhân đây phối hợp văn của luận nên chưa giải thích chính nghĩa.

- **Giải thích câu dưới:** Sở Đã ở v.v... trở xuống là nói về hạnh thành tựu. Có hai:

- Giải thích Đại thừa:

Đã ở v.v..., ba câu ở trước thành câu hỏi dẫn khởi văn luận.

Nghĩa là ở nơi trở xuống, một câu này là dùng luận đáp.

Do một trở xuống, là giải thích lý do. Trong hai câu này, câu đầu là xuất thể Đại thừa, thể của Đại thừa chỉ là nhất tâm làm gốc muôn pháp, đức tướng đầy đủ ứng hợp vô tận, nên nói ba nghĩa. Câu kế là nói lý do khởi hạnh.

Rốt ráo: nghĩa quyết định vô thượng, nghĩa là hoặc nói hoặc giải thích về hạnh, về chứng, đều lấy đây làm pháp quyết định rốt ráo.

Căn bản, phân biệt chẳng phải pháp ngọn ngành, đều là chỗ nói căn bản của pháp môn. Lại tất cả pháp nhiệm tịnh v.v... từ đây sinh ra, nên văn sau nói: “Một là Tín căn bản, nghĩa là pháp lạc niệm chân như...”. Lại nói: “Muốn giải thích nghĩa căn bản của Như Lai khiến các chúng sinh hiểu biết chân chánh không lầm”. Ở đây tức đều lấy nhất tâm làm gốc, nếu ở đây khởi hạnh mới gọi là chánh hạnh.

- Giải thích chánh tín:

Sớ Chưa biết v.v... trở xuống là giải thích chánh tín, ban đầu cũng theo câu hỏi trước mà phát khởi.

Lấy tín v.v... trở xuống, là giải thích lý do, các hạnh tuy nhiều đều lấy tín làm gốc. Mười một điều lành nằm trong địa vị thứ năm đều lấy tín làm đầu. Kinh Hoa Nghiêm chép: “mẹ sinh ra các Công đức chính là nghĩa này”.

Tức ngược lại v.v... trở xuống là kết luận phối hợp câu trước. Nghĩa là dùng chánh ngược tà, dùng tín dứt nghi, là chánh đối nghịch.

**- Giải thích câu sau:**

Sớ Sau một v.v... trở xuống, giải thích câu sau, khiến chúng sinh lia lổ chấp nghi cầu hạnh chánh tín, ý muốn cho chúng sinh tín đầy đủ nhập trụ thứ hưởng chứng đại quả, tức hạt giống Phật không dứt. Tín đầy đủ là địa vị tột cùng của Thập tín. Nhập trụ tức địa vị Sơ Thập trụ của Tam hiền. Bất thoái, nói chung tức nhập Thập trụ trong Chánh định tụ. Tín đã thành cội gốc thì cội gốc sâu khó nhổ, nên nói không lui sụt. Nói riêng là địa vị thứ bảy trong Thập trụ, gọi là Bất thoái trụ.

Có khả năng cầu quả Phật, tín đã không lui sụt quyết định thành Phật, chẳng đồng địa vị Thập tín tâm chưa quyết định, đã nhập Thập trụ thì hạnh nguyện dần dần thêm lớn, thành tựu công đức, chỉ tiến không lùi, có khả năng kham nhận hưởng về Bồ-đề thì hạt giống Phật há dứt mất sao! Dẫn văn sẽ hiểu.

**- Giải thích riêng dứt nghi:**

Lại giải thích v.v... trở xuống là giải thích riêng dứt nghi. Đây là nghĩa của Hải Đông Sớ, nghĩa này có ít nhiều cần thiết nên dẫn vào áp dụng.

Nhiều đường v.v... là nghi Phật, nghi Pháp, nghi nhân, nghi quả. Nghi có vô lượng một nhiều, có không... nên nói là nhiều đường.

Câu Đại thừa: người quyết định cầu đến Đại thừa nên không có nghi. Chỉ có hai thứ nghi là:

Nghi Pháp: Nghi rằng Pháp thể của Đại thừa là một là nhiều. Nếu Pháp thể một thì kia đây chẳng khác, ta tức Phật thì đâu cần cầu, chúng sinh vốn thành thì đâu cần độ, bi trí đã dứt thì nguyện cũng dừng. Ba thứ phát tâm do đó chẳng làm nên nói chướng đối với sự phát tâm. Pháp thể nếu nhiều thì kia đây thành khác, kia tự thành đạo, ta tự đắm chìm, làm sao phát tâm cầu được Phật đạo. Ta đã như hể chúng sinh cũng như thế, đâu cần phát tâm độ khiến thành Phật. Lại nếu nhiều như kinh nói: “Các thế giới ở mười phương chỉ có một thừa. Tâm, Phật và chúng sinh cả ba không khác nhau”. Một tâm một trí vô úy cũng như vậy, làm sao

hội thông? Vì thế do dự không thể phát tâm trên cầu dưới hóa.

Nghi môn: Nghi rằng: Môn tiến đến hợp có vô lượng chưa biết ở đây nương vào những môn nào? Nếu muốn cho nương chung làm sao đốn nhập? Nếu chấp một hai thì cái nào phải, cái nào trái? Cho nên hướng đến chậm không thể tu hành.

Lập nhất tâm v.v..., nghĩa là pháp Đại thừa chỉ là nhất tâm, ngoài nhất tâm không còn pháp nào khác, chỉ do vô minh mê biến tự tâm phát khởi thành sóng sáu đường, sóng tuy phát khởi mà không ra ngoài biển nhất tâm. Theo tướng tức chẳng ngại trên cầu dưới hóa, theo tánh thì không ngại kia đây đồng thể, đại bi đại trí do đây phát khởi nên không nghi.

Khai nhị môn v.v..., hạnh tuy vô lượng nhưng không ra ngoài hai môn, nương môn Chân như tu hạnh Chỉ, nương môn sinh diệt khởi hạnh quán. Nếu tu cả hai Chỉ và Quán thì muôn hạnh đầy đủ. Nhập hai môn kia các môn đều thông đạt, thế nên hiểu tâm nghi tự dứt sẽ tu hành, nên kinh Viên Giác chép: “Phương tiện thuận theo số kia vô lượng, dung nhiếp tròn đầy chỗ trở về mà tánh kia có khác nhau”. Cho nên có ba thứ, nương vào hai môn này tu Chỉ Quán cùng câu hành. Căn bản của Luận chính là chỗ này, lập pháp nhất tâm, khai ra hai chủng môn.

**- Nêu lợi ích khởi nói:**

Sớ Nhất tâm v.v... là trong luận cái gọi là đạo lý tuy nhiều, pháp nghĩa chánh tông cũng không vượt ngoài. Trong phần Lập nghĩa đặc biệt lấy đây làm căn bản.

Luận Năng khởi v.v..., Pháp Đại thừa là năng khởi, Tín căn là sở khởi. Thế Đại thừa là pháp nhất tâm, nếu nương pháp này mà khởi tín gọi là tin Đại thừa, như trước trong khai đề đã nói.

Đề mục v.v...”, tựa đề là Đại Thừa Khởi Tín, đây nói Khởi Tín Đại Thừa, chỉ là ngôn ngữ hai bên mà không khác nhau.

Tin lý quyết định, trong môn chân như chỉ hiển bày lý, lý thể chân thật nên nói quyết định. Quyết định tức chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng có, chẳng không, rốt ráo bình đẳng không có thay đổi không thể phá hoại, vì tất cả pháp tánh bình đẳng không thêm bớt.

Tin nghiệp quả, nghiệp quả gồm cả nhiễm tịnh, nếu vô minh làm nhân sinh ba tế, cảnh giới làm duyên sinh sáu thô, tức nhân quả nhiễm của thế gian không mất. Ngược dòng thì giác đối chín tướng thành sáu địa vị, tức nhân quả tịnh thế gian không mất. Theo dòng ngược dòng quyết định có việc này, như bóng theo hình sẽ rõ lý, nên nói chẳng mất, mất là không.

Tam bảo v.v..., Vì có hai đại thể và tướng tin pháp bảo chẳng hoại, vì có dụng đại nên tin Phật, Tăng không hoại, không hoại cũng là nghĩa quyết định không mất. Nhưng, Số không nói tin nhất tâm, dùng hai môn ba đại tức là hình tướng của tâm, chỉ tin ở đây tức là tin tâm, không nói như vậy.

Tín mẫn Thập trụ, là từ ngoại phạm nội phạm đã lia đạo mà tin thì quyết định chẳng mất chẳng hoại, nên nói thành căn không lui sụt. Năng trì v.v..., hay giữ gìn tín lực ở trước, tự phần chẳng lui sụt. Như trồng cỏ cây rễ gốc thành tựu thì sống.

Sinh hậu v.v..., tin đã thành tựu tức hay sinh trưởng, về sau địa vị công đức dần dần cao siêu, dần dần tiến hành hưởng về quả vị. Như cỏ cây thành gốc dần dần sinh hoa quả. Nhưng, Tín trong Đại thừa vẫn đủ, có sáu thí dụ:

Như bàn tay. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Như người có tay, thò vào trong núi báu tự tại lấy của báu”. Có tín cũng như vậy, vào trong Phật Pháp tự tại lấy pháp tài vô lậu.

Như sư tử cố gắng hét một tiếng tất cả các dây cột đều đứt hết. Như người phát một tín tâm thì tất cả hoặc chướng đều trừ diệt.

Như sữa sư tử, nếu nhỏ một giọt vào trong sữa khác thì đều thành nước trong. Nếu người phát một tín tâm thì tất cả ác ma đều biến thành dòng pháp thanh tịnh.

Như ở thế gian tài báu nuôi dưỡng sắc thân mạng sống, Tín tài nuôi dưỡng Pháp thân tuệ mạng, phần đầu của Thất tài là Tín tài.

Như cội gốc kia, ở trước đã nói rõ.

Như sức mạnh, có sức mạnh hay hàng phục được những thứ cứng. Tín lực mạnh mẽ có công năng dẹp các pháp ác bất thiện, trong năm lực có Tín lực.

Nay nói căn: tức là phần thứ năm.

Cần phải nói, bậc Thánh vì lợi ích dùng lý giảng nói pháp, nếu không nói thì trái với bốn thế nguyện. Làm sao gọi là người đại từ bi cầu chánh giác? Pháp môn đã là nền tảng bỏ khổ hưởng về đạo, chúng sinh mờ mịt trôi lăn đâu có dừng nghĩ.

**Luận:** nêu lên. Số: Có nguyên do v.v..., là tiêu biểu khác thường, người phần nhiều noi theo. Nguyên do tức nhân duyên, phân nghĩa đều đồng, nên sau không giải thích.

Cương yếu, dây lớn gọi là Cương, giữ một sợi cương gọi là Yếu.

Tông bốn, rễ làm việc gì đều phải y cứ cội gốc, nếu kia không gốc ngọn thì từ đâu sinh. Sắp muốn bày rộng nên lược nêu tông bốn,

cần yếu đã lược là muốn phô trương cội gốc, xem rộng để thành lược, muốn sinh hiểu khai triển lược thành rộng. Nghĩa là ở môn Chân như nói về lia ngôn, y ngôn, nghĩa không, nghĩa bất không. Ở môn Sinh diệt nói nhiếp nói tịnh, nói nhân, nói quả, thuận dòng, ngược dòng, là gốc, là ngọn, khiến không lầm chân vọng, hiểu đúng không sai.

Y giải khởi hạnh, phân biệt các pháp để hiểu không lầm, nghĩa là cần khởi tu hành, vì hạnh thành tựu ở chỗ giải trước, do giải dắt dẫn chỗ thực hành khiến giải không thành tuệ khô, khiến hành không thành tà đảo, giải hạnh ngang nhau, có chỗ đến nên cần thực hành.

Như người nghèo đến cửa báu: là ví dụ trong kinh Hoa Nghiêm. Văn khác nói: “Tự không có nửa đồng tiền, đối với pháp không tu hành, học rộng cũng thế” Ý nói, vốn có chỗ giải ý tại tu hành, đã không tu hành thì giải dùng để làm gì? Như người có mắt mà không chân, há đến được phía trước ư!

Hành nghi, là bốn tín, bốn hành v.v... tức là khuôn phép tu hành.

Nêu lợi ích khuyến tu, Phật nói kinh còn nhiều khuyến khích, Bồ-tát soạn luận chẳng được vậy sao!

Nhưng, năm v.v... trở xuống, hợp năm làm ba, nếu y cứ đại khái có ba thuyết:

Theo Luận chủ thì cho phần quy kính và thuật ý là chỗ nương hạnh khởi làm phần tựa, khoảng giữa năm phần là pháp khởi hạnh làm chánh tông, sau là một bài kệ hồi hướng là khởi nguyện lớn làm lưu thông. Đây tức đứng về một bộ luận trước sau đầu cuối mà đối ba phần.

Nói theo pháp tức không chấp hai bài kệ trước sau, chỉ ở khoảng giữa năm phần để phân chia. Ban đầu là pháp khởi nhân duyên làm phần tựa, ba phần giữa là chính hiển bày chỗ nói làm phần chánh tông, phần sau cùng là khen ngợi công năng của pháp làm phần lưu thông.

Theo pháp vì lợi ích căn cơ mà nói, ban đầu nêu chỗ làm, tâm là phần tựa, ở khoảng giữa ba phần chính thọ giải và hạnh làm phần Chánh tông, một phần sau nêu lợi ích khuyến tu làm phần lưu thông.

Hai thuyết sau ở năm phần khoảng giữa, về năng bị sở bị, nhân pháp khác nhau, nay sẽ nói về hai phần sau.

Giả hỏi, một là tự tạo khởi câu hỏi giả làm người khác, hai là thật chẳng có nghi giả làm nghi. Do tự hỏi tự đáp, ý khiến pháp nghĩa rõ ràng hiển hiện như ở đây hỏi.

**- Vì giúp chúng sinh lìa khổ được vui:**

Số Môn này v.v..., Là nói về mục đích phát khởi của một bộ luận: chỉ vì muốn cho chúng sinh lìa khổ được vui, đây là ý nói về nhân duyên

tướng chung (hình thức chung của các bộ luận). Lại, các Bồ-tát soạn luận đều vì giúp cho chúng sinh lìa khổ được vui, đây không chỉ là nguyên nhân phát khởi một bộ luận mà là nguyên nhân chung của tất cả các luận khác, cho nên nói tương chung gồm cả chính, đó là y cứ vào căn cơ “sở vi”, gồm bị cập căn cơ chính định, tà định, sở bị chính định, thuộc về bất định nay đều hợp luận cả nên nói là chung.

Biệt là đương cơ. Một là Tức hưởng v.v... trở xuống bảy đoạn là vì căn cơ khác nhau, trong bảy đoạn thì đoạn hai và ba là chánh định, ngoài ra là nhóm bất định, nên nói là riêng. Hai là chỉ căn cơ hai nhóm chẳng phải bị tà định, nên nói là riêng vì khác nhau. Đoạn này chung vì tất cả đều khiến lìa khổ được vui rất ráo. Kia là đứng về mặt pháp tức nhân duyên phát khởi tất cả văn luận, đứng về mặt căn cơ thì lợi lạc tất cả chúng sinh, cho nên nói là tổng tướng nhân duyên.

Số Khổ khổ, khổ trên là (quả báo chung), khổ thân ở dưới là riêng, sự khổ khác nhau (khổ riêng). Đã thọ thân hữu lậu gọi là khổ, trên đó lại thêm các thứ ép ngặt gọi là khổ khổ, tức tám thứ khổ là sinh, già, v.v... Hoại tức việc vui đã Tàn. Hành tức niệm niệm đời đời đều là khổ. Theo Luận Bảo Tánh xem ba cõi khổ là: cõi Dục khổ khổ, cõi Sắc hoại khổ, cõi Vô sắc hành khổ, nhưng trong cõi Dục đủ ba, cõi sắc gồm hai, vô sắc chỉ có hành.

Phần đoạn, nghĩa là ba cõi bốn loài thân có hình đoạn, mạng khi bị phân hạn tội cùng tức là mạng hết.

Biến dịch, Nhị thừa, Bồ-tát dứt chướng phiền não, tuy lìa khổ thô của phần đoạn, vẫn có A-lại-da biến dịch hành khổ, vì bốn tướng chuyển biến đời đời nên gọi là Biến dịch. Lại nhân đời đời, quả đời đời, nên gọi là Biến dịch.

Vô thượng v.v..., chuyển diệt sinh tử phiền não được Bồ-đề Niết-bàn, hễ được thì được. Mãi mãi Luận nói rất ráo không có lỗi. Số nói vô thượng đã là họa lớn diệt, hẳn vượt khỏi bốn dòng, nghiệp hoặc đều mất, rõ ràng tự được chẳng vui hay sao! Nhưng trên khiến lìa khổ là Bồ-tát đại bi, đây khiến được vui là Bồ-tát đại từ, đến được giác tâm đầy đủ.

Luận thêm cung kính v.v... trở xuống; Số đứng về năng hóa, sở hóa hai thuyết ở văn rất dễ thấy.

**b. Vì giải thích nghĩa căn bản Như Lai:**

**Luận:** Nghĩa căn bản v.v... trở xuống, văn số có hai:

**Giải thích căn bản Như Lai.** Có hai:

- **Phối hợp chung văn sau:**

Cùng phần lập nghĩa, là trọn một phần văn của luận này đều là sở khởi. Song trong phần này nếu được phối hợp văn dừng ở ba đại.

Từ tất cả chữ Phật v.v... trở xuống, là nói nghĩa thừa kia, hợp là nhân duyên sở khởi thứ ba.

Sở Chẳng phải ngón tay; do lược nên như vậy.

Hiển bày v.v..., từ đây là văn của phần đầu, nói hiển bày chánh nghĩa là nương pháp nhất tâm có hai môn, cho đến nếu quán sát biết tâm vô niệm, tức được thuận theo nhập môn chân như.

Đối trị v.v..., văn nói đối trị.

Tà chấp; tất cả tà chấp đều nương vào ngã kiến, nếu lia ngã thì không có tà chấp, cho đến do niệm tất cả pháp khiến tâm sinh diệt, không nhập thật trí, đây tức là nhân duyên năng phát khởi thứ hai. Như dẫn ba đoạn văn của luận là chỗ phát khởi. Vì muốn giải thích nghĩa căn bản của Như Lai, nay các chúng sinh hiểu đúng không lầm, nên có văn này. Nói năng sở ở sau đều nêu theo đây.

**- Giải thích riêng:**

Sở Do kia v.v... trở xuống; Có hai:

Theo giáo pháp giải thích nghĩa căn bản của Như Lai: Vì hai môn là căn bản của các pháp, lại nhất tâm là căn bản của hai môn. Trong văn kia là nói rõ nghĩa này, Phật nói pháp môn tuy vô lượng, nếu căn bản không ngoài đây thì chính là Bồ-tát Mã Minh giải thích hóa thân, Đức Thích ca Như Lai nói pháp môn nghĩa căn bản rất là sâu kín.

Pháp Theo chứng giải thích nghĩa căn bản Như Lai:

Sở Lại sinh v.v... trở xuống; Có hai:

Giải thích Như Lai. Có hai:

Chính giải thích: Khi mê bỏ giác theo trần, như đi tuy gọi là đi mà thể tánh bất động, nên thọ hợp thể như tức bản giác. Khi ngộ bỏ trần theo giác gọi là Như Lai, vì thể như ở trên có dụng tịnh phát khởi, trái nhiệm về tịnh gọi là Lai, tức nghĩa Thủ giác. Thể chân như một phen đến đi tùy duyên nên lấy bản giác gọi là Như, thủ giác gọi là Lai, thủ bản không hai tức cứu cánh giác, cứu cánh giác tức Như và Lai hợp, chẳng khác thủ bản gọi là Như Lai. Như văn sau nói: “nếu người được vô niệm thì biết tâm tướng sinh trụ dị diệt, cho đến chẳng khác thủ bản, lấy bốn tướng đồng thời mà có đều không tự lập, xưa nay bình đẳng đồng một giác.

Đây tức v.v... trở xuống tổng kết phân chia nên xoay bánh xe pháp. Luận chép: “Chân đế gọi là Như, chánh giác gọi là Lai, chánh giác chân đế gọi là Như Lai”. Đây tức theo mặt tự thọ dụng báo thân, nên gọi là



Như Lai, chẳng đồng văn trước nói theo hóa thân. Trong hai lối giải thích này, trước theo giáo là căn bản Như Lai, Y chủ thích. Vì người hay nói thù thắng ở đây theo chứng tức Y sĩ thích. Tâm là căn bản sinh ra Như Lai, nên suy nghĩ sẽ hiểu.

Hiển bày ngược lại: Sở Các chúng sinh v.v... trở xuống, tuy có bản giác mà không thỉ giác, thì không được gọi là Như Lai, đây thì nghĩa Như rộng, nghĩa Lai hẹp, nên Tịnh Danh nói: “Tất cả chúng sinh đều Như, các Thánh hiền cũng Như, cho đến Di -lặc cũng Như”, mà không nói Lai. Lại trước Sơ địa tuy có thỉ giác, lấy tử quán tu hành chưa tạo chân lý, chưa được trí vô phân biệt không gọi là Như Lai. Từ Sơ địa trở lên tuy có trí này, vì chướng lụy chưa dứt nên quán tâm có khoảng cách, thỉ giác bản giác chưa được thâm hợp rốt ráo, cũng không có tên gọi. Ở đây đưa ra chỉ một hàng Diệu Giác, ngoài ra đều không thể như vậy. Nếu đứng về tánh đức thì không phân biệt. Kinh Viên Giác nói: “Chúng sinh xưa nay thành Phật”, lại nói: “Tất cả chướng ngại tức giác rốt ráo”. Nay nói về tu nên nói như vậy.

Kết căn bản:

Tổng kết căn bản, tức chỉ cho nhất tâm ở trước, là căn bản chứng pháp của Như Lai, vì Như Lai nương nhất tâm này mà thành tựu. Tín, Giải, Hành, Chứng đều nương vào tâm này, từ vi tế cho đến chấp trước không hề lìa, nếu lìa tâm được thành Phật thì không có việc đó. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Nếu người muốn biết rõ chư Phật ba đời nên tánh quán pháp giới, tất cả chỉ do tâm tạo” nên gọi là Đẳng. Nhưng Như Lai tức nhất tâm, nhất tâm tức căn bản, ba nghĩa một thể mới là nói tốt. Chỉ y cứ pháp mà gọi là tâm, đối với ngọn hợp gốc, theo người mà nói tức hiệu là Như Lai. Tốt thể thì nêu một thể làm ba, chẳng ba mà ba, chẳng một mà một, ba và một là một thể mới hội văn nhiệm mầu.

**- Hiểu đúng không lầm:**

Giải thích đầy đủ v.v... trở xuống, là hiểu đúng không lầm. Giải thích đầy đủ nghĩa là trong đó nói hai môn chân như và Sinh diệt, hai giác bản và thỉ, hai bất giác gốc và ngọn, hai thân, ba đại cho đến nghĩa hai môn mà chẳng hai. Nghĩa này tận cùng là hình tướng trên căn bản của nhất tâm.

Tam hiền là gần chân, trước khác phàm phu, sau khác bậc Thánh nhân. Hiền là thiện, là thuận. Ba mươi vị này đều chứa nhóm điều hành mà thành, thuận theo chân lý nên được tên gọi kia.

Tỷ quán, đã chứa thân chứng chân như, chỉ nương giáo so sánh nghĩ bàn, quán sát, cho nên thuận theo không trái nhau, nên nói tương

ưng, tức tỷ quán này gọi là chánh giải. Trước Sơ địa thuộc địa vị Giải Hạnh là sinh chánh giải. Có hiển bày nghĩa chánh của văn.

Lìa điên đảo, vì chánh giải tương ứng thuận lý chân như, không có các tà, vì lìa điên đảo tức gọi là chẳng lầm. “Chẳng” là đối trị, “Lầm” là tà chấp.

**c. Khiến nhập bất thoái:** Phân biệt v.v..., văn nói: “Phân biệt tướng phát thú đạo”. Nghĩa là chỗ chứng đạo của tất cả chư Phật, tất cả Bồ-tát phát tâm tu hành đều thú hưởng nghĩa này, cho đến nếu tâm có cấu nhiễm thì Pháp thân chẳng hiện, Đây chính là phối hợp.

Do kia v.v... trở xuống, là giải thích. Sở dĩ trở xuống, là đều nêu lên, Văn nói: “Như thế tín tâm thành tựu, người được phát tâm nhập nhóm chánh định rốt ráo, chẳng lui, sụt gọi là trụ trong hạt giống Như Lai tương ứng với chánh nhân”.

Chung tâm, là một địa vị trong hàng Thập tín, có ba thứ tâm là Nhập, Trụ, Chung. Nhập là mới lìa dị sinh nhập địa vị Sơ tín. Chung là tín tâm thành tựu viên mãn, tức đệ Thập Tín. Trụ tâm tức khoảng giữa Bát tín. Thập tín đã như vậy, ngoài ra Trụ, Hạnh, Hưởng v.v... nêu lên đều như vậy. Thành thực là nói theo hiện tại Thập tín chung tâm. Không lui sụt nói là hưởng về vị lai Thập trụ nhập tâm. Nay vì người tín thuần thực, theo văn phân biệt đạo tướng, nhập vào không lui sụt.

**d. Tu tập tín tâm:**

Bốn thứ tín tâm, văn sau nói: Lược nói tín tâm có bốn thứ, thứ ấy là?

Tin căn bản pháp lạc niệm chân như.

Tin Phật có vô lượng công đức, thường nghĩ gần gũi cúng dường kính, phát khởi gốc lành, nguyện cầu tất cả trí.

Tin Pháp có đại lợi ích, thường nghĩ tu hành các ba-la-mật.

Tin Tăng có khả năng chánh tu hành tự lợi lợi tha, thường ưa gần gũi chúng Bồ-tát cầu học hạnh như thật.

Bốn thứ tu hành văn sau nói đây đủ năm hạnh, đó là Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Chỉ quán. Nên văn nói: “Tu hành có năm môn giúp thành tựu tín này”, v.v.... Lấy một môn Chỉ Quán là chỗ phát khởi riêng nhân duyên thứ sáu, nên nói bốn thứ.

Do kia v.v... trở xuống, giải thích lý do. Văn kia nói: “Trong đó chúng sinh chưa nhập nhóm chánh định, nên nói tu hành tín tâm”.

Thập tín trụ tâm; tuy có tám thứ khác nhau nhưng, không phân tích, chung làm trụ tâm.

Thiếu ít, tức tín tâm chưa thuần thực, khiến theo văn này tu tập

hạnh tín ở trước tiến đến viên mãn.

**e. *Lìa chương ra khỏi.*** Văn Số có hai:

Gồm bốn đoạn:

Văn có ba:

**- *Phân chung:***

Nói bốn thứ, tức chỉ cho bốn đoạn văn của luận ở phần sau, Sơ tâm tức nhập tâm.

**- *Thông và ngại:***

Sớ Vì trước v.v... trở xuống, là thông và ngại. Hoặc nói: Ba căn ở trước mỗi căn đều nhiếp một đoạn văn của luận. Làm sao lấy địa vị đầu của tín tâm dùng riêng bốn đoạn văn chung ở đây. Địa vị trước dần sâu hướng về địa vị ban đầu, nên gọi là căn thẳng, tín căn muốn thành tựu dù gặp duyên ác cũng ít thoái lui, sụt nên nói khó lui, sụt nhưng cũng chưa một bề chẳng lui sụt nên nói khó. Như Đốc Tử nhập trụ vẫn tự lui sụt chuyển, huống chi Thập tín ư!. Căn kém, nghĩa là mới từ dị sinh lên địa vị Tín, gốc lành cạn mỏng chẳng khác nơi lông nhẹ, gặp thiện khó tiến gặp ác dễ lui, nhờ nhiều phương tiện trợ giúp đạo lực, cho nên đầy đủ bốn.

**- *Phân riêng:***

Sớ: Trong bốn v.v... trở xuống, là phân riêng. Chỉ một hạng căn cơ thấp kém này lại có khác thượng trung hạ, nay lấy phần thứ năm làm hạ căn, thứ sáu làm trung căn, thứ bảy làm thượng căn, thứ tám lời khuyến khích chung.

Hỏi: y cứ thứ lớp ở trước đều từ hơn kém, vì sao ở đây lấy từ kém hướng đến hơn?

Đáp: Thẳng căn của Bồ-tát y cứ tôn ti để liệt nêu, địa vị lui sụt có tình niệm thấp kém mà cứu trước, là thứ lớp ở đây, Cho nên trước hiển bày trí Bồ-tát, chương sau là lòng từ của Bồ-tát.

**- *Giải thích riêng văn này:***

Sớ Nay ban đầu v.v... trở xuống, là giải thích riêng văn này. Văn này nói ngọn ngành người tu hành. Văn kia nói: “Lại nữa nếu người tu hành tín tâm do từ đời trước đến nay thường có tội nặng nghiệp ác chướng, bị tà ma các quỷ làm não loạn, hoặc bị các việc thế gian trôi buộc, hoặc bị bệnh khổ khuấy rối, có nhiều chướng ngại như thế, nên phải tinh tấn mãnh mẽ, ngày đêm sáu thời lễ bái chư Phật, thành tâm sám hối khuyến thỉnh tùy hỷ, hồi hướng Bồ-đề thường không dừng nghỉ, được khỏi các chướng nên gốc lành thêm lớn”.

Nghiệp nặng, văn nói là tội nặng nghiệp chướng.

Hoặc nhiều, văn nói: “Nhiều chướng ngại gốc lành khó phát khởi, tức ba chướng đã nặng thì điều lành không dễ sinh. Như dùi củi ướt thì đâu có lửa, phải nên do ánh sáng mặt trời xuất phát ngấm ngấm, tạm dùng dây mồi dẫn đến lấy mồi châm lửa, thì lửa kia mới có, Nên nói lễ sám v.v...

Bên trong xa lìa v.v..., do lễ sám mà nghiệp nhẹ, nghiệp nhẹ nên bên trong không rối loạn, bên trong đã lìa thì hoặc loạn bên ngoài tự dứt, ma bên ngoài tức là báo chướng, nên biết bên ngoài có chướng nào đều do bên trong có hoặc nghiệp. Nay người tu hành làm lành bị nhiều ngăn trở mà vì đạo không thay đổi, bởi chỗ cảm trong tâm, chớ ngờ ảnh cong chỉ tránh hình lõm. Nếu luận tu đối trị sẽ trước xa lìa. Tả Truyện nói: “Tâm không có đức nghĩa là người ngu, miệng không bàn luận về trung tín là đối trá” nay chỉ chấp chung một bên là si ám. Tuệ giải chẳng sinh là ngu và đối trá.

**f. Tu tập chỉ quán:**

Chỉ Quán, văn nói: Làm sao tu hành môn Chỉ quán?. Cái gọi là Chỉ là dừng tất cả tướng cảnh giới thuận theo nghĩa Quán Sa-ma-tha. Cái gọi Quán là phân biệt tướng nhân duyên sinh diệt thuận theo nghĩa quán Tỳ-bát-xá-na, cho đến nếu chỉ quán chẳng đầy đủ thì không thể vào đạo Bồ-đề.

Nói cả hai v.v..., văn kia nói: “Nếu người tu Chỉ đối trị phạm phu chấp đấm thế gian, hay xả bỏ kiến chấp yếu hèn của Nhị thừa. Nếu người tu quán đối trị Nhị thừa có lỗi tâm hạn hẹp chẳng khởi đại bi, xa lìa phạm phu chẳng tu các điều lành”.

**g. Khuyến sinh:** Văn nói: “Lại nữa chúng sinh sơ học là pháp muốn cầu chánh tín, tâm kia yếu hèn, vì trụ ở thế giới Ta- bà này, tự sợ hãi không thể thường gặp chư Phật, đích thân thờ phụng cúng dường. Sợ hãi là tín tâm khó có thể thành tựu, ý muốn lui sụt. Cho đến thường siêng tu tập rất ráo được sinh trụ chánh định”.

Phương tiện cao quý, văn nói: “Nên biết Như Lai có phương tiện cao siêu nhiếp hộ tâm kia, nghĩa là dùng nhân duyên chuyên ý niệm Phật, theo nguyện được sinh về cõi Phật ở phương khác, thường thấy Chư Phật lìa hẳn đường ác...”

Quán giải..., văn nói: “Nếu quán Pháp thân chân như của Đức Phật kia rất ráo được sinh trụ chánh định, đã quán Pháp thân tức là tạo quán chân như, quán Phật thuần thực được phần tương ứng”.

Hậu báo v.v..., vì chúng sinh gió nghiệp vô lượng, nay tuy phát tâm tu hành, nhưng sức kia kém yếu khó địch nổi ác mạnh, e báo thân

này dứt nên đuổi theo nghiệp đoạ vào đường các,. Như người mắc nợ nhiều trước lỗi dẫn đến quả báo này, mệnh chung chưa biết về đâu. Hoặc trải qua nhiều kiếp đi khắp ba đường, dù được thân người cũng gặp chướng duyên, bị oan bị bắt, hoặc làm thân mọi rợ, chịu khổ nghèo cùng, hoặc bị các bệnh trời buộc, sáu căn không đủ, hoặc việc Vua ép ngặt ở tại cung, hoặc tuổi nhỏ thì không hiểu biết, tuổi thanh niên thì hung dữ, mới biết ưa điều lành thì tuổi đã già. Tuy ngộ vô thường mà khó tiến hưởng, hưởng gì là pháp chân như. Muốn gặp bạn lành đâu dễ, dù gặp duyên này căn tánh thường mờ ám, thường là người thượng trí mới dễ, ngộ pháp môn, dù phân biệt tuyên dương khéo khai mở ý người mà tập khí xấu lầy lừng mẶc tình dấy hưng khởi, chứa nhóm điều lành ít, điều ác mạnh thì khó thoát khỏi đoạ lạc, lại bị luân hồi như kiến chạy vòng quanh, làm sao dứt được? Bồ-tát quán sâu điều này ôm lòng từ bi, nếu chẳng dùng phương tiện thì không thể cứu giúp. Nên luận nói: “Có phương tiện cao siêu nhiếp hộ tâm kia” Nên nói: E báo thân sau thay đổi, gặp duyên bị lui sụt.

Vãng sinh v.v..., văn nói: “Như kinh nói nếu người chuyên niệm Phật A-di-đà ở thế giới Cực lạc phương Tây, khi tu gốc lành hồi hướng nguyện cầu sinh về thế giới kia, thì sẽ được vãng sinh, thường thấy Phật không bao giờ lui sụt”. Ý này muốn cho chúng sinh chuyên ý niệm Phật, ưa cầu an vui, muốn sinh về cõi nước kia, tu được điều lành gì điều hồi hướng. Cho đến có người làm việc ác khi sắp chết dốc lòng mười niệm, cho đến một niệm thành tựu liền được vãng sinh, sinh về cõi nước kia rồi, thấy Phật nghe pháp, nhậm vận tu tiến thẳng thành tựu Bồ-đề, không có các duyên khiến kia bị lui sụt, nên nói khiến không lui sụt.

**h. Khuyên tu:** Văn nói: “Đã nói phần tu hành tín tâm, kể đến nói phần khuyến tu lợi ích, như thế bí tạng Đại thừa của chư Phật ta đã nói chung. Cho đến nói vị lai Bồ-tát sẽ nương pháp này được thành chánh tín, vì thế chúng sinh nên siêng năng tu học”.

Nêu tổn và ích kia, văn nói: “Nếu có chúng sinh muốn ở nơi cảnh giới sâu xa của Như Lai, được sinh chánh tín xa lìa phỉ báng, vào đạo Đại thừa nên trì luận này, tư duy tu tập rốt ráo sẽ đến được đạo vô thượng”. Cho đến nói: “Người này công đức không có bờ mé”. Là nêu phần lợi ích. Lại nói: “Có chúng sinh kia đối với luận này phỉ báng, chẳng tin tội báo, trải qua vô lượng kiếp, chịu khổ não dữ dội”. Đây là nêu tổn giảm. Tu Chỉ nên kính tin, đúng như lời dạy mà tu hành, xả thì không nên phỉ báng khởi chiêu cảm quả khổ.

Sách tấn chung, v.v..., y cứ chỗ phân chia ở trước, tức chỉ sách tấn

ba căn tín vị, tu hành, sơ tâm. Nếu dùng lý để nói thì không ngại gồm cả Tam hiền ở trước trở xuống, sách tấn khuyến khích chung, thì trong tám nhân duyên, nhân duyên thứ nhất và thứ tám đều là tướng chung. Thứ nhất là chung lợi ích chúng sinh, thứ tám là khuyến tu sách tấn chung, sáu thứ giữa mỗi thứ có chỗ làm riêng, như trước phối hợp.

**TỔNG KẾT:** Ban đầu nạn, luận có đầy đủ, v.v..., (trước nạn phá nhân duyên thứ hai, phát khởi nghĩa Nhất tâm, Hai môn, Hai đế) như Kinh Thắng-man chép: “Tự tánh thanh tịnh tâm nhiễm, mà chẳng nhiễm khó có thể rõ biết, chẳng nhiễm mà nhiễm khó có thể rõ biết”. Đây há chẳng phải nghĩa Nhất tâm, hai môn ư! Huống chi hai môn tức là hai đế chân và tục, kinh nào mà chẳng nói về hai đế, đâu nhờ luận chủ phát khởi nhân duyên thứ hai, như kinh Viên Giác nói về bốn địa vị Tín, v.v... há chẳng phải nghĩa phân biệt đạo tướng hay sao! Huống chi kia ở địa vị tu hành nhập đạo từ nhân đến quả. Các kinh thường có nói, đâu cần nhân duyên phát khởi thứ ba ư! Như kinh Hoa Nghiêm chép: “Bồ-tát phát tâm cầu Bồ-đề chẳng phải không có nhân không duyên, đối với Phật, Pháp, Tăng sinh tâm tịnh tín, nên sinh tâm rộng lớn”. Đây há chẳng phải là tin Tam bảo hay sao! Huống chi khiến tin Tam bảo, kinh nào mà chẳng nói. Lại như kinh Hoa Nghiêm nói đủ hạnh Bồ-tát Thập địa thực hành mười Ba-la-mật, đâu chỉ hành thí, v.v... ư! Huống chi thí, giới, v.v... các kinh đều nói. Đâu dùng nhân duyên phát khởi thứ tư! Như trong kinh Phương Đẳng có nói đủ việc đạo tràng lễ sám, và trong hạnh nguyện Phổ Hiền nói mười hạnh nguyện. Đây đâu chẳng phải là phương tiện tiêu trừ chướng ư! Cũng không cần nhờ nhân duyên thứ năm. Lại như kinh Hoa Nghiêm chép: “Định tuệ cũng như thế, là chỗ nương nhờ của Bồ-tát. Định tuệ tức là Chỉ Quán”. Lại, trong kinh Tịnh Danh chép: “Phật Pháp thân từ Chỉ Quán sinh”. Đâu cần nhân duyên phát khởi thứ sáu ư! Như kinh A-di-đà Vô Lượng Thọ nói đủ việc vãng sinh tịnh độ, huống chi trong các kinh cũng thường dẫn nói, cũng không nhờ nhân duyên phát khởi thứ bảy kia. Như khuyến khích tu tiến khen ngợi cố gắng khởi đọa lạc thì kinh có nói, đâu nhờ nhân duyên thứ tám. Như thế kinh Phật có nói, Bồ-tát lại nói, há chẳng phải rất quan trọng hay sao! Bồ-tát thấy việc nghĩa thì làm không màng lợi ích cho mình, vả lại chỉ xem trọng kinh Phật nói, có nghĩa lợi gì mà làm như thế ư!

**LƯỢC NÊU:**

Hoặc lợi hoặc độn, tức căn cơ không giống nhau, nghĩa là căn cơ có lợi độn, ưa rộng ưa lược tức thực hành không như nhau. Hành là ý hành, chỗ muốn khác nhau, nhờ kinh tức lợi căn, tìm kinh liền hiểu

không đợi giải thích. Nhờ luận tức độn căn, đối với kinh chưa hiểu phải đợi luận nói. Nếu kia nói ưa rộng ưa lược là chung cho kinh luận, có người ưa kinh rộng mà được hiểu, có người ưa kinh lược mà được hiểu, đối với luận cũng như vậy. Đây chính là đối với lợi độn mỗi thứ có sự ưa thích khác nhau. Nhưng căn không đồng nhau thì hạn cuộc trong kinh luận, đều gá vào một việc. Thực hành không giống nhau thì thông trong kinh luận, mỗi thứ ưa rộng lược. Nhưng đây chỉ đứng về mặt hiểu ý Phật hay chẳng hiểu ý Phật để nói về lợi độn, chẳng cần đứng về mặt giữ văn giữ nghĩa. Giải thích kỹ lợi độn người trí nên suy nghĩ.

Thọ hiểu riêng biệt, thọ là tin nhận giáo pháp, giải là khai ngộ ý chỉ Phật, gặp Phật tức có duyên với Phật thì từ Phật thọ lãnh sự giáo hóa sinh hiểu, có duyên với giáo thì gặp giáo thọ lãnh sự giáo hóa sinh hiểu. Đây chỉ nói về sinh ra hiểu hay chẳng sinh ra hiểu, nói có duyên hay không có duyên, cũng không nói về có thấy Phật, v.v... Luận nói kỹ như khi Phật còn tại thế, các vị A-la-hán, v.v... tự thân từ Phật nghe mà chứng đạo quả, đây là người có duyên gặp Phật. Như Thiên Thân, v.v... chỉ gặp giáo mà được khai ngộ, đây là người có duyên gặp giáo, nên nói duyên riêng. Nhưng nếu y cứ ý luận chỉ ở nơi kinh. Ở luận nói về thọ giải riêng, chẳng cần gặp Phật, v.v... mà nói. Vì chỗ hỏi trong luận trước, kinh Phật đã nói đâu cần là luận. Nay văn đã đáp chung câu hỏi ở trước, ở sau mới giải thích riêng. Ý luận nói: “Trong kinh tuy có nói, nhưng căn tánh lợi độn của chúng sinh khác nhau, ý thực hành ưa thích có khác, tin nhận giáo pháp khai ngộ thánh chỉ nhân duyên khác nhau. Nếu là căn lợi là người có nhân duyên với lời của Phật thì ưa kinh mà tin nhận, được ngộ thánh chỉ lại không cần nói. Nếu là độn căn lại không có duyên đối với kinh, chỉ có duyên ở lời của Bồ-tát, tức ưa soạn luận giải thích mới hiểu ý Phật, nên nói riêng. Cả ba Căn, Hạnh, Duyên đều khác nhau, đâu ngại soạn luận riêng ngoài kinh! Đâu chẳng phải văn này hay sao!

Xong phần đáp chung.

**- Gặp phật ngộ không cần giấy mực:**

Phật lúc còn tại thế, Ngài chỉ nói mà thôi, sau khi Phật diệt độ, kết tập mới có kinh, đương thời còn không nhờ kinh, há cần soạn luận ư! Nói về Như Lai tức Đức Thích-ca vậy, “Cũng gồm cả chư Phật thời thắng” Lúc ấy không có thể định, chỉ có Phật ở thời kia, nên nói thời thắng.

Căn thắng, chỉ chấp một loại, Phật còn tại thế thuận theo nói giáo có người chứng hiểu, nếu không gặp Phật thì chẳng ngộ, nhưng Phật khi

còn tại thế nhiều người chứng ngộ, nay nói theo đây nên gọi là Thắng.

Duyên thắng: thù thắng hơn Nhị thừa, Bồ-tát, nhưng nói giải ngộ của căn chẳng chấp nhân duyên giáo khởi, chỉ Phật là thắng duyên.

Luận khác loại, chỉ cho ba thừa, năm thừa căn tánh khác nhau, nên gọi là khác loại. Hoặc có thể chung các đường, nhưng chẳng phải ý chánh.

Luận đẳng giải, đẳng là bằng nhau, các loại khác đồng sinh hiểu, đây là nghĩa sinh hiểu bằng nhau, chẳng cho là sự hiểu biết đồng nhau. Nhưng căn thắng và thời thắng ở trước, các khoa cùng phân biệt để thành bốn câu. Nghĩa là thời thắng căn chẳng thắng, khi Phật còn tại thế, nhóm Tỳ-kheo sáu vị căn thắng thời chẳng thắng, như năm trăm năm sau người trì giới tu phước đều cáo quý, như Xá-lợi-phất, v.v... đều chẳng thắng. Tức Phật sau khi diệt độ không có người sinh hiểu, luận chẳng cần luận, y cứ đây gom lại thì chẳng cần kinh. Nhưng y theo chỗ hỏi của luận chỉ trách trong kinh đã nói, soạn luận là quan trọng chẳng can ngăn việc Phật còn tại thế. Nay ý đáp muốn nói lên sau khi Phật diệt độ căn hạnh khác nhau, đối với kinh luận chấp hiểu đều khác nhau. Nay trước nói rõ khi Phật còn tại thế căn duyên đều cáo quý còn không nhờ kinh đâu cần soạn luận, để nói lên sau khi Phật diệt độ căn duyên đều thấp kém, phải nhờ kinh, đối với kinh không rõ thì cần nhờ luận, lấy cao siêu để nói lên thấp kém. Cho nên kinh luận đối với mỗi căn cơ khác nhau, viên âm lưu khắp nhiều loài.

Sau đây văn sớ có hai đoạn:

- **Lược phối hợp ba nghiệp.** Như văn.

- **Giải thích riêng viên âm.** Một âm trở xuống, có hai:

Giải thích nghĩa. Có hai:

Nói theo giáo nghĩa, có hai:

Theo nói pháp sai biệt, hiển bày nghĩa viên:

Như Lai., v.v..., là Phật âm không khác nhau, nên nói là nhất âm.

Nói pháp thành có khác nên nói viên âm, dẫn chứng rất dễ hiểu.

Tùy loài nói âm, nói lên nghĩa viên.

Như Lai., v.v..., hợp nói nhất âm của Như Lai đồng tất cả âm, không có văn lược cho Phật âm là một, nên gọi là nhất âm, đồng kia mà khác ngôn ngữ nên gọi là viên âm. Dẫn chứng rất dễ hiểu. Tuy nhiên, trong sớ hai đoạn trước sau dẫn chứng tự phân ra rõ ràng, nay lại dẫn văn do chứng nghĩa sau. Như kinh Hạnh Nguyên Phổ Hiền nói: “Phật vận dụng tất cả ngôn ngữ, âm thanh của Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà cho đến cả Người và Phi nhân, mà nói pháp” Trong sớ không dẫn



văn này làm chứng, vì trong văn này không nói nhất âm, đây chính nhất âm của Như Lai tùy loại đồng thời có sai biệt, chẳng như đoạn trước nói thuyết pháp có khác nhau.

Kết thúc lý do:

Lấy một v.v... trở xuống, là kết luận được lý do, vì tất cả âm tức nhất âm, nghĩa là sai biệt tức không sai biệt. Nhất âm tức tất cả âm, nghĩa là vô sai biệt tức sai biệt. Đại ý chấp vô sai biệt tức sai biệt, tức là viên, sai biệt tức vô sai biệt, vô sai biệt tức sai biệt, hai nghĩa đồng thời không trước sau. Trong hai đoạn đều có nghĩa này, viên dung vô ngại mới là khẩu mật của Như Lai, chỉ lấy văn, không câu chấp biên chép thành trước sau.

Hiện bày tướng viên âm. Mỗi mỗi, v.v... trở xuống. Có bốn:

Chánh hiện: Trùm khắp sinh giới là nghĩa viên, thường không lẫn lộn là nghĩa âm. Lại trùm khắp là sáu đường cảm nghe. Chẳng tạp là năm âm hưởng khác nhau. Lại trùm khắp là Ba thừa đồng nghe. Chẳng tạp là lãnh hiểu điều khác nhau.

Phản hiện: Nếu âm v.v... trở xuống, là phản hiện, chẳng trùm khắp, v.v..., có chỗ chẳng nghe đâu thành nghĩa viên. Viên là trùm khắp. Mất khác, v.v..., là không có chỗ tiêu biểu thì đâu thành nghĩa âm. Như âm thanh tiếng chuông trùm khắp xa gần, như âm thanh tiếng trúc chỉ nghe cách một thước. Đây là viên âm chẳng phải nghĩa lẫn nhau.

Kết thành: Nay chẳng v.v... trở xuống, là kết luận thành tựu. Chẳng hoại khúc mà đồng trùm khắp, tức âm để thành tựu viên. Bất động trùm khắp mà sai vận, tức viên để thành tựu âm. Đó chính là trùm khắp mà khác nhau, tức khác nhau mà trùm khắp. Cho nên đều nghe tiếng, đều hiểu đúng.

Khen ngợi: Đây là v.v... trở xuống, là khen ngợi. Chẳng phải thức, v.v..., trí vô lậu của Phật hiện viên âm, phàm phu hữu lậu đâu thể lường được, chỉ có thể kính tin không cần so lường, vì cảnh chẳng phải tâm thức. Cảnh chẳng phải thức, là không thể dùng thức để hiểu. Cảnh chẳng phải tâm nên không thể dùng trí để biết. Tư lương tức tướng thức biết, như trong kinh Hoa Nghiêm nói đủ mười ví dụ để nêu lên tướng viên âm của Như Lai, không thể dẫn chứng nhiều.

- **Nghe kinh được ngộ:** Sở: Tự lực, v.v... là chỉ tự mình hiểu lấy không nhờ vào luận, sở giải thích, chỉ mở văn kinh ra xem mà tự hiểu.

Kinh rộng, có hai ý:

- Trong Đại Bộ kinh hoặc tìm rộng các bộ, thấy được con đường nghĩa lý của Phật nói rộng, trước sau mới hiểu, đây là người căn cơ kém

cỏi.

- Đối với người nghe ít mà hiểu nhiều là ý thứ hai. Như văn nghĩa trong sớ nói có hai trì, theo mỗi văn nghĩa đều sẽ hiểu, đây chính là căn cơ cao siêu. Ở phần sau là nghe ít.

Kinh lược, cũng có hai ý:

- Trong văn lược hoặc một câu, hoặc một bài kệ liền hiểu pháp lý sâu xa của Đức Như Lai không nhờ nói nhiều, đây là căn hạnh đều cao siêu.

- Không nhiều tâm lược, không hay xem rộng, chỉ đối với chút phần mà được hiểu rõ. Như trong sớ không có văn trì mà có nghĩa trì, nay trong luận ý rộng lược đều lấy thuyết trước là chánh. Vì trong luận phần nói lược mà hiểu nhiều, trong rộng không nói chữ nhiều. Cho nên người ưa rộng là độn, người ưa lược là lợi, người trí nên suy nghĩ.

**- Nói rộng về ngộ nhờ:**

Quảng luận, ở đây có hai ý:

Đối với kinh chẳng hiểu, đối với luận mới hiểu, nhưng vẫn nhờ ở bộ rộng, hoặc tìm các luận mới hiểu ý Phật, đây là thấp kém. Ở đoạn sau văn ít mà nhiếp nhiều nghĩa mới được hiểu, đây như sớ giải thích.

Theo kia mỗi việc giải thích đều rõ, đây tức là căn cao quý ở thứ lớp của văn.

Ban đầu nói về căn cơ tâm ưa tổng trì, cũng có hai ý:

Nghe ít mà hiểu nhiều không nhờ nói nhiều

Thần căn yếu kém không thể thừa thọ chỗ nói rộng, đầy đủ như văn sớ.

Ý văn của luận ở trong rộng lược cũng đều chấp ý trước là chính, tức đối với kinh luận này được hiểu đều có lợi độn. Chỉ do lược mà nói là lợi, cần rộng mà nói là độn. Nếu lấy văn nghĩa của hai trì trong bốn câu mà nói thì riêng là một ý.

**KẾT.** Văn sớ: Tuy ít., v.v..., văn tuy một cuốn mà nghĩa hà sa, kinh sớ tông đều là thật giáo, ý chỉ sớ thuyết đầu dung thô cạn, cho đến các luận Viên thật thiết yếu, nghĩa lý không ngoài đây, nên nói tổng nhiếp. Như cảnh lý trí tức môn Chân như, vì lìa tướng ngôn thuyết tâm duyên, v.v... nên nói sâu xa. Như cảnh lượng trí tức môn sinh diệt, vì nhiệm tịnh muôn vàn sai biệt, thường bao gồm rộng, nên nói rộng.

Không bờ mé, là cảnh lý trí sâu thẳm không bờ mé, cảnh lượng trí tức rộng khắp không bờ mé. Tướng không bờ mé đã thấy trong văn luận. Song hai môn này nhiếp hết tất cả nghĩa kinh luận, chỉ là nói nhiệm, nói tịnh, phàm thánh, mê ngộ, nhân quả, thiện ác, tất cả pháp

đanh tướng khác nhau, v.v... tức môn sinh diệt nhiếp tận. Nếu nói không nhiếp tịnh, bật phạm thánh, dứt mê ngộ, lìa nghĩa tánh tướng tức môn chân như nhiếp hết. Nên sơ Hải Đông nói: “Khai thị hai môn ở chỗ nhất tâm” Bao gồm chung lời rộng một trăm lẽ tám Ma-la (Ma-la là nói theo kinh Lăng-già, dùng một trăm lẽ tám câu để đáp lại một trăm lẽ tám câu hỏi của Bồ-tát Đại Tuệ. Câu trên là chân, câu dưới là tục, đồng hai môn này chỉ bày tánh tịnh ở tướng nhiếp).

Thời Phổ Tông ở Du-xà có mười lăm chương (cái gọi là nước Du xà trong kinh Thắng-man, kia có mười lăm chương đại nghĩa đều nói nhiếp mà chẳng nhiếp, đồng với nghĩa chân như sinh diệt này). Còn tông Nhất Vị ở Hạc Lâm Kinh Niết Bàn) Chỉ thứ không hai ở Linh Thứu (Kinh Pháp Hoa) Trống vàng (Kinh Kim Quang Minh) Đồng tánh (Kinh Đại Thừa Đồng Tánh) Tột quả của ba thân trong Hoa Nghiêm Anh Lạc, nhân sâu của bốn giai cấp. Đại Phẩm, Đại Tập là chỗ chỉ đạo khoáng đấng, Nhật Nguyệt Tạng là huyền môn của bí mật.

Tất cả những vị trong đây đều là tâm can của các kinh điển, một phen thấu suốt chỉ luận này ư! Đã là tông của sâu kín thì nghĩa lý vô biên, người có trí nên thỉnh cầu tu tập không nên biếng nhác.

